

No.	Name	姓名	Membership No. 會員編號	Technical Aspects Attained with Solid Modelling Skills and Experience 具實質的建模技巧及經驗的技術面							Construction Noise (other than CNP applications) 建築噪音 (「建築噪音許可證」 以外工程)
				Road Traffic Noise 交通噪音	Rail Noise 鐵路交通噪音	Industrial Noise 工業噪音	Aircraft Noise 飛機噪音	Helicopter Noise 直升機噪音	Noise Mapping 噪音地圖		
1	IU King Kwong	姚景光	F011	✓	✓	✓			✓	✓	
2	LUI Shiu Wai, Aaron	呂兆衛	F015	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
3	WONG Cheung Lam	黃昌林	F019	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
4	WAN Nik Fung	尹力峯	F021			✓				✓	
5	CHAN Hon Fai	陳漢輝	F023	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
6	FUNG Pak Yu, William	馮百如	F027	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
7	LAU Wai Tang, Leslie	劉偉騰	F028	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
8	KWOK May Han, Grace	郭美珩	F029	✓	✓	✓		✓		✓	
9	CHONG Fan	莊凡	F031			✓				✓	
10	CHAN Chi Kee, Henry	陳翹麒	F033	✓	✓	✓			✓	✓	
11	CHIU Cho Keung, Franki	趙祖強	M016	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
12	LAM Cheung Fai, Derek	林祥輝	M141	✓		✓				✓	
13	CHUNG Yuen Man, Anna	鍾婉雯	M142	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
14	PANG Yuen Fai, Alson	彭遠輝	M145	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
15	CHU Ho Kin, Steven	朱浩堅	M153	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
16	WONG Chi Hang, Antony	黃志恆	M155	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
17	TSOI Yeung Kin, Joanne	蔡楊健	M156	✓		✓				✓	
18	TANG Kam Hang, Steven	鄧錦衡	M166	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
19	LEE Ka Yan, Claudine	李珈茵	M169	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
20	LEUNG Cho Shing, Joe	梁祖成	M170	✓		✓				✓	
21	MA Sau Ping	馬秀嫻	M196	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
22	NG Kwok Keung, Fred	吳國強	M203	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
23	YEUNG Bing Kwan, David	楊秉坤	M209	✓	✓	✓				✓	
24	WONG Chi Wah, Steven	王志華	M211	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
25	LAU Chi Kin, Elvis	劉志堅	M277	✓	✓	✓		✓		✓	
26	CHENG Chun Hei, Morgan	鄭俊熹	M278	✓	✓	✓			✓	✓	
27	WONG Kam San, Banting	王錦新	M280	✓	✓	✓		✓	✓	✓	
28	TONG Ka Ling, Angela	湯嘉齡	M291	✓	✓	✓			✓	✓	
29	CHIU Ka Fai, Calvin	趙家輝	M157	✓	✓	✓		✓		✓	
30	LAW Chi Wing	羅志永	M143	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
31	WONG Wing Yee	黃穎頤	M139	✓	✓	✓		✓		✓	